

Các yếu tố cá nhân và học tập ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

Tô Thị Liên*, Lương Thông Minh, Trần Thiện Anh, Nguyễn Thị Rảnh, Võ Thị Linh, Trần Thị Châu, Trần Thị Sao Mai

Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*ttlien@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Thái độ nghề nghiệp là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến động lực học tập và cam kết với nghề của sinh viên điều dưỡng. Nghiên cứu này nhằm xác định tỷ lệ sinh viên có thái độ nghề nghiệp tích cực và phân tích các yếu tố cá nhân và học tập liên quan. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 294 sinh viên điều dưỡng tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi gồm 18 câu đánh giá thái độ nghề nghiệp và các yếu tố liên quan, phân tích bằng thống kê mô tả, kiểm định Chi-square và hồi quy logistic với ngưỡng $p < 0,05$. Kết quả cho thấy 89,5 % sinh viên có thái độ nghề nghiệp tích cực. Sinh viên có người thân làm trong ngành y có thái độ tích cực cao hơn 2,7 lần so với nhóm không có người thân trong ngành. Phát hiện này gợi mở vai trò tiềm năng của người thân trong ngành y như một yếu tố truyền cảm hứng trong hình thành thái độ nghề nghiệp tích cực, từ đó đề xuất định hướng cho hoạt động tư vấn và giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo điều dưỡng.

© 2025 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 10/07/2025

Được duyệt 22/09/2025

Công bố 28/10/2025

Từ khóa

thái độ nghề nghiệp, sinh viên điều dưỡng, định hướng nghề nghiệp, yếu tố cá nhân và học tập

1 Đặt vấn đề

Điều dưỡng là một lực lượng nòng cốt trong hệ thống chăm sóc sức khỏe, đóng vai trò thiết yếu trong điều trị, phục hồi và chăm sóc người bệnh. Trong những năm gần đây, chất lượng đào tạo ngành điều dưỡng tại Việt Nam ngày càng được nâng cao với sự mở rộng ở nhiều bậc học. Song song với sự phát triển về kiến thức và kỹ năng chuyên môn, thái độ nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng (SVDD) trong quá trình đào tạo cũng là một yếu tố then chốt, góp phần hình thành bản sắc nghề nghiệp và duy trì chất lượng chăm sóc [1].

Thái độ nghề nghiệp được hiểu là tổng hợp các yếu tố nhận thức, cảm xúc và hành vi thể hiện quan điểm, niềm tin, sự cam kết và động lực đối với nghề. Đây là nền tảng để SVDD phát triển tinh thần trách nhiệm,

lòng yêu nghề, sự đồng cảm và khả năng thích ứng với môi trường lâm sàng đầy áp lực [2, 3]. Nghiên cứu cho thấy, SVDD có thái độ tích cực sẽ chủ động học hỏi, nâng cao năng lực chuyên môn và duy trì gắn bó với nghề sau khi tốt nghiệp [1, 4].

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn một bộ phận không SVDD thể hiện thái độ chưa tích cực, thậm chí có xu hướng từ bỏ ngành học do thiếu định hướng và áp lực học tập ngày càng tăng [5, 6]. Các yếu tố tác động đến thái độ nghề nghiệp rất đa dạng, bao gồm yếu tố cá nhân như giới tính, năm học, lý do chọn nghề và yếu tố học tập như môi trường giảng dạy, điều kiện thực hành, sự hỗ trợ từ giảng viên và cơ sở vật chất [6-9].

Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã bước đầu ghi nhận mức độ thái độ tích cực cao ở SVDD [9, 10]. Tuy nhiên,

số lượng nghiên cứu chuyên sâu phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố cá nhân – học tập và thái độ nghề nghiệp của SVĐD vẫn còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh đào tạo ngày càng đặt nặng tính thực hành và năng lực nghề nghiệp toàn diện.

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) là một trong những cơ sở đào tạo ngành điều dưỡng tại Thành phố Hồ Chí Minh, nơi chương trình học không ngừng được cập nhật, đồng thời sinh viên được tiếp cận sớm với môi trường lâm sàng đa dạng. Tuy nhiên, chính áp lực học tập và thực hành cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về khả năng thích ứng, thái độ và định hướng nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu tiến hành đề tài này nhằm khảo sát thực trạng thái độ nghề nghiệp và phân tích các yếu tố liên quan, qua đó đề xuất những giải pháp thiết thực góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nhân lực điều dưỡng bền vững.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Thiết kế nghiên cứu:

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang nhằm ước tính tỷ lệ thái độ nghề nghiệp tích cực và xác định các yếu tố cá nhân và học tập liên quan ở sinh viên điều dưỡng.

2.2 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các yếu tố cá nhân và học tập ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp của SVĐD. Đối tượng khảo sát là SV hệ cử nhân ngành điều dưỡng từ năm thứ nhất đến năm thứ tư tại NTTU, đang theo học tại thời điểm nghiên cứu và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chí loại trừ: SV đang bảo lưu hoặc đã nghỉ học trong thời gian khảo sát; bảng khảo sát trả lời không đầy đủ hoặc không hợp lệ.

2.3 Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian: từ tháng 5 đến tháng 8 năm 2024.

Địa điểm: Khoa Điều dưỡng, NTTU.

2.3 Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu được tính bằng công thức:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 x \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

$Z_{1-\alpha/2} = 1,96$ với độ tin cậy 95 % ($\alpha = 0,05$).

$p = 0,801$: tỷ lệ sinh viên có thái độ nghề nghiệp tốt theo nghiên cứu trước [6].

$d = 0,05$: sai số mong muốn.

Do đó, cỡ mẫu tối thiểu là 294 sinh viên.

- Khung chọn mẫu là danh sách toàn bộ sinh viên hệ cử nhân ngành Điều dưỡng tại NTTU đang theo học từ năm thứ nhất đến năm thứ tư phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo khối năm học, đảm bảo đại diện về giới tính và số lượng sinh viên giữa các khối.

2.4 Công cụ thu thập dữ liệu

Dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi tự điền, gồm hai phần chính:

Phần 1: thông tin cá nhân (giới tính, tuổi, năm học, điểm trung bình tích lũy, nơi cư trú, kinh nghiệm chăm sóc, lý do chọn ngành, có người thân làm ngành y, người tư vấn chọn nghề,...).

Phần 2: các yếu tố học tập và thái độ nghề nghiệp, gồm:

- Mục A: thái độ với nghề nghiệp điều dưỡng (14 câu).

- Mục B: sự bảo hộ và đồng cảm (4 câu).

Công cụ khảo sát gồm 18 câu hỏi đánh giá thái độ nghề nghiệp của SVĐD theo thang đo Likert 5 mức độ (1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý), được xây dựng dựa trên tổng hợp từ nghiên cứu trước đó [6]. Hệ số Cronbach's alpha của thang đo đạt trên 0,7, cho thấy độ tin cậy cao. Câu hỏi số 12 được xây dựng theo chiều tiêu cực nên đã được xử lý đảo chiều trước khi tính tổng điểm. Tổng điểm của thang đo dao động từ 18 đến 90. Dựa trên trung vị 63 điểm (tương ứng với điểm trung bình 3,5), kết quả được phân thành hai nhóm: “Thái độ tích cực” (≥ 63 điểm) và “Không tích cực” (< 63 điểm).

2.5 Phân tích số liệu

Dữ liệu sau khi thu thập được mã hóa, làm sạch và nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 26.0 để phân tích. Thống kê mô tả được sử dụng. Kiểm định Chi-square (χ^2) được áp dụng để khảo sát mối liên hệ giữa từng yếu tố cá nhân, học tập với thái độ nghề nghiệp ($p < 0,05$). Các biến có $p < 0,20$ trong phân tích đơn biến được chọn vào mô hình hồi quy logistic đa biến nhằm kiểm soát các yếu tố nhiễu tiềm ẩn, theo khuyến nghị của Hosmer và Lemeshow. Biến phụ thuộc là thái độ nghề nghiệp (1 = chưa tích cực, 2 = tích cực). Các biến định tính được xử lý dưới dạng biến giả (dummy) trước khi phân tích. Kết quả được trình bày bằng odds ratio hiệu

chính (OR), khoảng tin cậy 95 % và giá trị p, kèm kiểm định Hosmer-Lemeshow và hệ số VIF để đánh giá độ phù hợp mô hình và loại trừ đa cộng tuyến.

2.6 Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng khoa học Khoa Điều dưỡng, NTTU. Công cụ thu thập dữ liệu đã được sự cho phép của tác giả gốc. Tất cả người tham gia đều được giải thích rõ ràng về mục tiêu và nội dung nghiên cứu, ký vào phiếu đồng thuận tự nguyện. Thông tin thu thập được giữ bảo mật tuyệt đối và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

3 Kết quả nghiên cứu

3.1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm chung		Mean (n)	SD (%)
Giới tính	Nam	46	15,60
	Nữ	248	84,40
Tuổi		20,55	1,13
Năm học	Năm nhất	41	13,90
	Năm hai	64	21,80
	Năm ba	139	47,30
	Năm tư	50	17,00
Nơi ở	Tại nhà	162	55,10
	Nhà trọ	123	41,80
	Khác	7	2,40
Tôn giáo	Đạo Phật	116	39,50
	Đạo Thiên chúa	47	16,00
	Đạo Hồi	3	1,00
	Khác	76	25,9
Điểm trung bình	3,6-4,0	23	7,8
	3,2-3,59	63	21,4
	2,5-3,19	186	63,3
	1,0-2,49	22	7,50
Kinh nghiệm chăm sóc người bệnh	Có	212	72,10
	Không	81	27,60

Bảng 2 Thái độ với nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng

Nội dung	n (%)					Mean ± SD
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	
1. Người điều dưỡng cần liên tục cập nhật thực hành liên quan đến các xu hướng chăm sóc sức khỏe hiện tại?	10 (3,4)	4 (1,4)	14 (4,8)	147 (50,0)	119 (40,5)	4,23 ± 0,87

Điều dưỡng là lựa chọn đầu tiên	Đúng	162	55,10
	Sai	132	44,90
Gia đình có người trong ngành y	Có	148	50,30
	Không	146	49,70
Người tư vấn chọn nghề	Tự bản thân	154	52,40
	Gia đình	122	41,50
	Thầy cô/ Bạn bè	18	6,10
Nguồn tìm hiểu nghề điều dưỡng (chọn 1 đáp án duy nhất)	Phương tiện truyền thông	101	34,40
	Gia đình, bạn bè, thầy cô	128	43,50
	Chương trình hướng nghiệp	29	9,90
	Khác	35	11,90
Lý do học nghề điều dưỡng (chọn 1 đáp án duy nhất)	Lời khuyên của gia đình, bạn bè, thầy cô	105	35,70
	Cơ sở đào tạo gần nhà	10	3,40
	Yêu thích, đam mê với nghề	64	21,80
	Nhiều cơ hội việc làm	86	29,30
	Không còn sự lựa chọn khác	29	9,90

Trong số 294 sinh viên tham gia, nữ chiếm đa số (84,4 %), tuổi trung bình là 20,55 ± 1,13. Sinh viên năm ba chiếm tỷ lệ cao nhất (47,3 %). Chỉ 55,1 % xem điều dưỡng là lựa chọn nghề đầu tiên. Một nửa có người thân trong ngành y (50,3 %). Hơn một nửa chọn nghề do tự quyết (52,4 %), chủ yếu nhờ thông tin từ người quen (43,5 %). Lý do chọn ngành phổ biến là lời khuyên từ người thân (35,7 %) và cơ hội việc làm cao (29,3 %).

3.2 Thái độ về nghề nghiệp của SVDD

2. Để trở thành điều dưỡng bạn cần có sự hiểu biết?	8 (2,7)	8 (2,7)	7 (2,4)	108 (36,7)	163 (55,4)	$4,39 \pm 0,88$
3. Điều dưỡng cần có bằng tốt nghiệp để thực tập?	11 (3,7)	40 (13,6)	52 (17,7)	109 (37,1)	82 (27,9)	$3,72 \pm 1,12$
4. Điều dưỡng có bằng cấp cao đóng góp quan trọng trong việc chăm sóc người bệnh?	5 (1,7)	28 (9,5)	76 (25,9)	115 (39,1)	70 (23,8)	$3,74 \pm 0,98$
5. Điều dưỡng viên có khả năng hành nghề độc lập?	13 (4,4)	46 (15,6)	74 (25,2)	112 (38,1)	49 (16,7)	$3,47 \pm 1,08$
6. Dịch vụ do điều dưỡng cung cấp cũng quan trọng như dịch vụ các bác sĩ cung cấp?	6 (2,0)	19 (6,5)	61 (20,7)	127 (43,2)	81 (27,6)	$3,88 \pm 0,96$
7. Nghiên cứu rất quan trọng đối với nghề điều dưỡng?	5 (1,7)	14 (4,8)	55 (18,7)	147 (50,0)	73 (24,8)	$3,91 \pm 0,88$
8. Điều dưỡng tham gia xây dựng các chính sách chăm sóc sức khỏe?	3 (1,0)	1 (0,3)	35 (11,9)	167 (56,8)	88 (29,9)	$4,14 \pm 0,71$
9. Điều dưỡng đóng vai trò là người hỗ trợ cho những cá nhân có vấn đề về sức khỏe?	3 (1,0)	3 (1,0)	12 (4,1)	175 (59,5)	101 (34,4)	$4,25 \pm 0,68$
10. Điều dưỡng tích hợp giáo dục sức khỏe vào thực hành?	3 (1,0)	5 (1,7)	15 (5,1)	161 (54,8)	110 (37,4)	$4,26 \pm 0,72$
11. Điều dưỡng cần lên tiếng phản đối điều kiện làm việc thiếu thốn?	9 (3,1)	6 (2,0)	66 (22,4)	133 (45,2)	79 (26,9)	$3,93 \pm 0,97$
12. Điều dưỡng chỉ cần làm theo y lệnh của bác sĩ mà không cần có ý kiến?	62 (21,1)	117 (39,8)	40 (13,6)	52 (17,7)	23 (7,8)	$2,51 \pm 1,23$
13. Điều dưỡng kết hợp các kết quả nghiên cứu vào thực trạng lâm sàng?	4 (1,4)	5 (1,7)	59 (20,1)	167 (56,8)	59 (20,1)	$3,97 \pm 0,77$
14. Mục tiêu chính của nghiên cứu điều dưỡng là nâng cao chất lượng chăm sóc người bệnh?	3 (1,0)	6 (2,0)	21 (7,1)	148 (50,3)	116 (39,5)	$4,25 \pm 0,76$
Tổng					$46,03 \pm 10,86$	

Thái độ nghề nghiệp được đo lường qua 14 phát biểu, với điểm trung bình tổng thể là $46,03 \pm 10,86$. Phát biểu có điểm trung bình cao nhất là “Để trở thành điều dưỡng bạn cần có sự hiểu biết” ($4,39 \pm 0,88$), cho thấy sinh viên đánh giá cao vai trò của tri thức trong nghề. Ngược lại, phát biểu “Điều dưỡng chỉ cần làm theo y lệnh của bác sĩ mà không cần có ý kiến” có điểm trung bình thấp nhất ($2,51 \pm 1,23$).

Bảng 3 Thái độ về sự bảo hộ và đồng cảm của sinh viên điều dưỡng

Nội dung	n = 294 (%)					Mean $\pm$ SD
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	
1. Điều dưỡng là người bảo hộ của người bệnh?	11 (3,7)	33 (11,2)	83 (28,2)	105 (35,7)	62 (21,1)	$3,59 \pm 1,06$
2. Điều dưỡng bảo vệ người bệnh trong hệ thống chăm sóc sức khỏe?	4 (1,4)	8 (2,7)	38 (12,9)	171 (58,2)	73 (24,8)	$4,02 \pm 0,78$

3. Điều dưỡng nói chung là những người nhân hậu, giàu lòng nhân ái?	8 (2,7)	6 (2,0)	45 (15,3)	138 (46,9)	97 (33,0)	4,05 ± 0,9
4. Điều dưỡng viên coi trọng thời gian chăm sóc người bệnh tại giường?	5 (1,7)	9 (3,1)	46 (15,6)	148 (50,3)	86 (29,3)	4,02 ± 0,85
Tổng						15,68 ± 3,59

Thái độ về sự bảo hộ và đồng cảm được đánh giá qua 4 phát biểu, với điểm trung bình tổng thể là 15,68 ± 3,59. Phát biểu “Điều dưỡng nói chung là những người nhân hậu, giàu lòng nhân ái” đạt điểm trung bình cao nhất (4,05 ± 0,90), trong khi phát biểu “Điều dưỡng là người bảo hộ của người bệnh” có điểm trung bình thấp nhất (3,59 ±

1,06). Dựa trên thang điểm tối đa 90 và ngưỡng phân loại ≥ 63 điểm, kết quả cho thấy 89,5 % SVĐD có thái độ nghề nghiệp tích cực, trong khi 10,5 % duy trì thái độ chưa tích cực.

3.3 Các yếu tố liên quan ảnh hưởng thái độ nghề nghiệp

Bảng 4 Các yếu tố liên quan ảnh hưởng đến thái độ nghề nghiệp

Các yếu tố liên quan		Thái độ tích cực	Thái độ chưa tích cực	p
		n (%)	n (%)	
Giới tính	Nam	39 (84,8)	7 (15,2)	0,26
	Nữ	224 (90,3)	24 (9,7)	
Tuổi	≤ 20 tuổi	115 (89,8)	13 (10,2)	0,85
	> 21 tuổi	148 (89,2)	18 (10,8)	
Năm học	Năm 1, 2	97 (92,4)	8 (7,6)	0,22
	Năm 3, 4	166 (87,8)	23 (12,2)	
Nơi ở	Tại nhà	141 (87,0)	21 (13,0)	0,15
	Khác	120 (92,3)	10 (7,7)	
Tôn giáo	Đạo phật	104 (89,7)	12 (10,3)	0,83
	Khác	114 (90,5)	12 (9,5)	
Điểm trung bình	3,2-4,0	78 (90,7)	8 (9,3)	0,66
	1,0-3,2	185 (88,9)	23 (11,1)	
Kinh nghiệm chăm sóc người bệnh	Có	191 (90,1)	21 (9,9)	0,54
	Không	71 (87,7)	10 (12,3)	
Điều dưỡng là sự lựa chọn đầu tiên	Có	149 (92,0)	13 (8,0)	0,12
	Không	114 (86,4)	18 (13,6)	
Gia đình có người làm trong ngành y	Có	139 (93,9)	9 (6,1)	0,012
	Không	124 (84,9)	22 (15,1)	
Người tư vấn chọn nghề	Tự bản thân	134 (87,0)	20 (13,0)	0,15
	Gia đình/ Thầy cô/ Bạn bè	129 (92,1)	11 (7,9)	

Kết quả kiểm định Chi-square cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa việc gia đình có người làm trong ngành y hay không ($p = 0,012$). Một số yếu tố như giới tính, tuổi, nơi ở, điểm trung bình, lựa chọn

ngành điều dưỡng là ưu tiên ban đầu, và người tư vấn chọn nghề tuy cho thấy sự khác biệt về tỷ lệ thái độ tích cực, nhưng đều không có ý nghĩa thống kê ($p > 0,05$).

Bảng 5 Phân tích hồi quy logistic về các yếu tố liên quan đến thái độ tích cực với nghề điều dưỡng (n = 294)

Biến độc lập	B (Hệ số)	SE	p	OR (Exp(B))	KTC 95 % cho OR
Gia đình có người làm ngành y (nhóm tham chiếu: không)	1,0	0,44	0,02	2,71	1,15-6,41
Điều dưỡng là lựa chọn đầu tiên (nhóm tham chiếu: không)	0,47	0,40	0,24	1,60	0,74-3,47
Nơi ở hiện tại tại nhà (nhóm tham chiếu: khác)	-0,80	0,42	0,06	0,45	0,20-1,02
Tư vấn chọn nghề từ gia đình/ thầy cô/ bạn bè (nhóm tham chiếu: tự bản thân)	0,42	0,42	0,32	1,52	0,67-3,42

Ghi chú: biến “Người tư vấn chọn nghề” được đưa vào mô hình theo tiêu chí sàng lọc $p < 0,20$ ở phân tích χ^2 ($p = 0,15$); tuy nhiên trong hồi quy logistic đa biến, biến này không đạt ý nghĩa thống kê ($aOR = 1,52$; $p = 0,32$) và không cải thiện độ phù hợp mô hình. Ngược lại, biến “Gia đình có người làm ngành y” duy trì ý nghĩa ($aOR = 2,71$; KTC 95 %: 1,15-6,41; $p = 0,02$).

Kết quả cho thấy yếu tố “Gia đình có người làm trong ngành y” có thái độ tích cực cao hơn 2,7 lần so với nhóm không có người thân làm ngành y (KTC 95 %: 1,15-6,41).

4 Bàn luận

Nghiên cứu được thực hiện trên 294 SVDD, trong đó nữ chiếm đa số (84,4 %), phản ánh đặc điểm giới tính phổ biến trong ngành điều dưỡng tại Việt Nam. Tỷ lệ này tương đồng với một nghiên cứu trước đây [6]. Độ tuổi trung bình của mẫu nghiên cứu là $20,55 \pm 1,13$, phù hợp với nhóm tuổi của sinh viên hệ đại học chính quy và phù hợp với nghiên cứu trước đó [9]. Phân bố theo năm học cho thấy sinh viên năm ba chiếm tỷ lệ cao nhất (47,3 %).

GPA của sinh viên phần lớn ở mức khá (63,3 %), tương tự với kết quả đã được báo cáo trước đây [10]. Đáng chú ý, chỉ 55,1% sinh viên lựa chọn điều dưỡng là ngành học đầu tiên và 21,8 % chọn ngành vì đam mê, cho thấy vẫn còn tỷ lệ không nhỏ sinh viên chưa xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp ngay từ đầu.

Phần lớn SVDD có thái độ nghề nghiệp tích cực, với điểm trung bình các phát biểu dao động từ 2,51 đến 4,39. Phát biểu “Đề trở thành điều dưỡng bạn cần có sự hiểu biết” đạt điểm cao nhất ($4,39 \pm 0,88$), cho thấy nhận thức cao về năng lực chuyên môn. Nhiều nội dung

khác liên quan đến trách nhiệm và vai trò chủ động trong chăm sóc sức khỏe cũng đạt điểm trung bình trên 4, phản ánh sinh viên hiểu rõ tính chất chủ động, cập nhật và giáo dục trong nghề nghiệp. Đặc biệt, phát biểu “Điều dưỡng chỉ cần làm theo y lệnh của bác sĩ mà không cần có ý kiến” có điểm trung bình thấp nhất ($2,51 \pm 1,23$), cho thấy sinh viên có tư duy phản biện và khẳng định vai trò độc lập. Kết quả này phù hợp với kết quả của nghiên cứu trước [1], trong đó sinh viên Thở Nhĩ Kỳ cũng thể hiện nhận thức rõ ràng về vai trò chủ động trong chăm sóc sức khỏe.

Về khía cạnh nhân văn, các phát biểu liên quan đến sự đồng cảm và bảo hộ bệnh nhân đều có điểm trung bình cao, đặc biệt là “Điều dưỡng nói chung là những người nhân hậu, giàu lòng nhân ái” ($4,05 \pm 0,90$). Kết quả này cũng được ghi nhận trong nghiên cứu [6], với 85 % sinh viên đồng tình với vai trò nhân hậu của điều dưỡng.

Tỷ lệ SVDD có thái độ tích cực trong nghiên cứu hiện tại đạt 89,5 %, tương đối cao so với mặt bằng chung. Nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông ghi nhận tỷ lệ 80,1 % [6]. Trong khi đó, tại Đại học Y Dược Cần Thơ cho thấy tỷ lệ này là 85,3 %, phản ánh môi trường đào tạo định hướng tích cực [10]. Tại Trường Cao đẳng Y Hà Nội đạt 89,9 %, khá tương đồng với nghiên cứu hiện tại [9]. Sự chênh lệch giữa các nghiên cứu có thể xuất phát từ khác biệt về chương trình đào tạo, môi trường học tập và hỗ trợ nghề nghiệp.

Sinh viên năm nhất và năm hai có thái độ tích cực cao hơn (92,4 %) so với sinh viên năm ba và tư (87,8 %), nhất quán với nghiên cứu trước [11], gợi ý rằng áp lực học tập và thực hành lâm sàng có thể làm giảm thái độ tích cực theo thời gian.

Kết quả phân tích hồi quy logistic nhị phân cho thấy, sinh viên có thành viên trong gia đình làm trong lĩnh vực y tế có khả năng thể hiện thái độ tích cực đối với nghề điều dưỡng cao hơn đáng kể so với những sinh viên khác (OR = 2,71; KTC 95 %: 1,15-6,41). Kết quả này khác với nghiên cứu tại Trường Cao đẳng Y Hà Nội, nơi điểm thái độ trung bình của nhóm “có người thân” thấp hơn nhóm “không có” (p = 0,035), do khác biệt thang đo và cách xử lý biến kết quả [9].

Một hạn chế đáng lưu ý là việc thu thập dữ liệu dựa trên bảng hỏi tự báo cáo, có thể dẫn đến sai số do người tham gia trả lời thiếu trung thực hoặc bị ảnh hưởng bởi xu hướng mong muốn xã hội.

5 Kết luận

Nghiên cứu cho thấy phần lớn SVĐD tại NTTU, Thành phố Hồ Chí Minh có thái độ nghề nghiệp tích cực (89,5 %), phản ánh nhận thức đúng đắn về vai trò, trách nhiệm và giá trị nhân văn của nghề điều dưỡng. Các nội dung liên quan đến kiến thức chuyên môn, vai trò chủ động và đạo đức nghề nghiệp được đánh giá cao, trong khi những quan điểm thụ động bị phản đối mạnh mẽ.

Một số yếu tố cá nhân và học tập có liên quan đến thái độ nghề nghiệp, đáng chú ý là có người thân trong ngành y có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin cảm ơn Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ cho nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

1. Sümen, A., Ünal, A., Teskereci, G., Kardaşoğlu, S., Aslan, K., Irmak, M. Ş., & Aslan, H. B. (2022). The relationship between nursing students' professional attitudes and caring behaviors: A cross-sectional study. *Perspectives in Psychiatric Care*, 58(3). <https://doi.org/10.1111/ppc.12908>
2. Bhandari, M., Dahal, T., & Kc, J. (2022). Professionalism among nurses working at different government and private hospitals of province 1. *Journal of Nepal Health Research Council*, 20(2), 419-425. <https://doi.org/10.33314/jnhrc.v20i02.4071>
3. Garza, B., Bang, S. H., & Lin, L. C. (2024). Professional self-concept of BSN students: a cross-sectional correlational study. *Nurse Education Today*, 139, 106238. <https://doi.org/10.1016/j.nedt.2024.106238>
4. Fahmy, S., Mayez, A., & Ali, R. (2020). Attitude of nursing students towards nursing profession at South Valley University. *IJRDO-Journal of Health Sciences and Nursing*, 5(6), 19-34. <https://doi.org/10.53555/hsn.v5i6.3737>
5. Neumbe, I. M., Ssenyonga, L., Soita, D. J., Iramiot, J. S., & Nekaka, R. (2023). Attitudes and perceptions of undergraduate nursing students towards the nursing profession. *PLOS ONE*, 18(7), e0280700. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0280700>
6. Trịnh Thị Giang, Dương Thị Thu Huyền, Nguyễn Đăng Trường, Trương Quang Trung. (2024). Thái độ với nghề nghiệp của sinh viên điều dưỡng Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*, 174(1), 212-221. <https://doi.org/10.52852/tcncyh.v174i1.2132>
7. Emire, M. S., Haile, T. G., & Tesu, M. (2022). Assessment of students' attitudes towards the nursing profession at Wolkite university, Ethiopia, 2021. *Nursing: Research and Reviews*, 12, 159-168. <https://doi.org/10.2147/NRR.S371365>
8. Karimi Mirzanezam, A., Ghahramanian, A., Ghafourifard, M., Davoodi, A., Bagheriyeh, F., & Hajieskandar, A. (2024). Nursing students' perception of the clinical learning environment and its impact on academic adjustment: a cross-sectional descriptive study. *BMC Medical Education*, 24(1), 1543. <https://doi.org/10.1186/s12909-024-06562-0>

9. Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Thị Ly, Bùi Minh Thu, Phạm Thị Thu Hương, Bùi Hồng Vy. (2025). Thái độ và các yếu tố liên quan đối với nghề nghiệp. *Tạp chí Y học Cộng đồng*, 66(CĐ2 NCKH). <https://doi.org/10.52163/yhc.v66iCĐ2.2218>
10. Nguyễn Thị Sang Sang, Nguyễn Thị Kim Thơ, Nguyễn Thanh Phong, Lưu Thế Hùng, Trương Ái Mỹ, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Thanh Liêm, Huỳnh Văn Lộc. (2023). Thái độ đối với nghề nghiệp và các yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022. *Tạp chí Y Dược học Cần Thơ*, 61, 233-239. <https://doi.org/10.58490/ctump.2023i61.415>
11. Suluhan, D., Gezgin, E., & Ergin, M. E. (2020). The Relationship Between Nursing Students' Attitudes Toward the Nursing Profession Concerning Career Choice and Motivation. *European Archives of Medical Research*, 36(4), 251-257. <https://doi.org/10.4274/eamr.galenos.2020.50469>

Personal and Academic Factors Influencing the Professional Attitudes of Nursing Students at Nguyen Tat Thanh University

To Thi Lien*, Luong Thong Minh, Tran Thien Anh, Nguyen Thi Ranh, Vo Thi Linh, Tran Thi Chau, Tran Thi Sao Mai
Faculty of Nursing, Nguyen Tat Thanh University, Ho Chi Minh City, Viet Nam

*ttlien@ntt.edu.vn

Abstract Professional attitude is a crucial factor influencing learning motivation and commitment to nursing profession among nursing students. This study aimed to determine the number of students with a positive professional attitude and analyze associated personal and academic factors. A cross-sectional descriptive study was conducted from May to August, 2024 among 294 nursing students at Nguyen Tat Thanh University. Data were collected using a structured questionnaire, consisting of 18 items assessing professional attitude and related variables. Descriptive statistics, Chi-square tests, and logistic regression were performed with a significance level set at $p < 0.05$. Results showed that 89.5% of students demonstrated a positive professional attitude. The logistic regression model revealed that students with family members working in the health sector were 2.7 times more likely to exhibit a positive professional attitude compared to those without ($p = 0.02$; 95% CI: 1.15-6.41). Other variables, including gender, age, GPA, place of residence, caregiving experience, and source of career guidance, were not statistically significant, yet demonstrated potential trends. These findings suggest that having relatives in the healthcare field may serve as an inspiring factor in shaping a positive professional attitude, highlighting the need for further integration of family and mentorship influences in career counseling and nursing education.

Keywords professional attitude, nursing students, career guidance, personal and academic factors